TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 01 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thanh Xuân

2. Bà Trương Ngọc Điệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Ông Lê Thanh Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2024/TL.ST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ Á, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp A, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ Đ, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ Á trình bày:

Trước đây, bà và ông Nguyễn Trọng T có quen biết, sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận K, thành phố Hải Phòng vào năm 2007. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng đất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong cách chăm sóc gia đình và giáo dục con chung, hai bên đã nhiều lần cố gắng giải quyết mâu

thuẫn nhưng không có kết quả. Vợ chồng cũng đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nhận thấy không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thảo V (nữ), sinh ngày 28/02/2007 và cháu Nguyễn Đức A (nam), sinh ngày 30/9/2015, hiện đang sống chung với ông T. Bà đồng ý giao các cháu cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Nguyễn Trọng T trình bày ý kiến tại bản tự khai như sau: Ông thống nhất với phần trình bày của bà Á về thời gian kết hôn, việc đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng. Nay bà Á yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thảo V (nữ), sinh ngày 28/02/2007 và cháu Nguyễn Đức A (nam), sinh ngày 30/9/2015, hiện đang sống chung với ông. Ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu đến khi thành niên và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ Á được ly hôn với ông Nguyễn Trọng T; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thảo V (nữ), sinh ngày 28/02/2007 và cháu Nguyễn Đức A (nam), sinh ngày 30/9/2015 cho ông T nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên, bà Á chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Mỹ Á khởi kiện đối với ông Nguyễn Trọng T yêu cầu giải quyết vấn đề ly hôn và nuôi con nên xác định là tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải quyết ngày 18/12/2023, ông T đồng ý lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang giải quyết vụ án gữa ông và bà Á, căn cứ theo quy

định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Trần Thị Mỹ Á và ông Nguyễn Trọng T đã tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường P, quận K, thành phố Hải Phòng vào năm 2007. Hôn nhận là tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn và không bị ép buộc, không thuộc trường hợp cấm kết hôn nên hôn nhân là hợp pháp.

Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà Á xác định đã không còn tình cảm với ông T nên cương quyết ly hôn. Phía ông T xác định hiện tại vợ chồng đã ly thân và thống nhất yêu cầu ly hôn của bà Á. Cho thấy, mâu thuẫn hôn nhân của các đương sự là trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Á được ly hôn với ông T.

[3.2] Xét yêu cầu nuôi con chung của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Á và ông T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thảo V (nữ), sinh ngày 28/02/2007 và cháu Nguyễn Đức A (nam), sinh ngày 30/9/2015, hiện đang sống chung với ông T. Các cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với ông T sau khi cha mẹ ly hôn. Bà Á và ông T thống nhất giao các cháu cho ông T nuôi cưỡng. Do đó, nhằm ổn định cuộc sống, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng của các cháu nên giao cháu V và A cho ông T nuôi dưỡng đến khi thành niên. Do ông T không yêu cầu cấp dưỡng nên bà Á chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định là không có, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị Mỹ Á phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Từ những tình tiết, căn cứ nêu trên, xét yêu cầu của bà Á cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ Á.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ Á được ly hôn với ông Nguyễn Trọng T. Giấy chứng nhận kết hôn số 39, ngày 12/6/2007 của Ủy ban nhân dân phường P, quận K, thành phố Hải Phòng cấp cho ông T, bà Á không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thảo V (nữ), sinh ngày 28/02/2007 và cháu Nguyễn Đức A (nam), sinh ngày 30/9/2015 cho ông Nguyễn Trọng T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Bà Trần Thị Mỹ Á chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Bà Á có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Mỹ Á phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Á đã nộp theo biên lai số 0004340 ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà Á đã nộp xong).

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND phường Phù Liễn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mạc Thị Chiên